

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

Số: 34/2022/HS-ST

Ngày: 22/6/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TP H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Lan H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng B và bà Nguyễn Từ Phương L

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị H - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST - HS ngày 01 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN A, sinh năm 2003; HKTT và nơi ở: Thôn V, xã V, huyện T, TP H; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn T và bà Lê Thu H; Vợ con: chưa có; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 22/02/2022 bị Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến nay (có mặt).

* Bị hại: - Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2001.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, Thành phố H.

(vắng mặt)

- Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, TP H. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959; Ông Tạ Văn T, sinh năm 1960. Đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, TP H. (vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1974; Trú tại: Tổ X phường T, quận C, thành phố H.
(vắng mặt)

- Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1985; Trú tại: Q, xã N, huyện T, Tp H.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 09/03/2022, Phạm Văn A đi từ nhà đến Thôn T, xã T, huyện T, TP.H để trộm cắp tài sản, đến Thôn T, A phát hiện thấy nhà anh Nguyễn Văn D không khóa cửa bên trong nên đã trèo qua tường rào đi vào căn phòng ở tầng một, A nhìn thấy trên mặt bàn kê sát góc tường để chiếc cặp sách màu vàng, lục soát chiếc cặp thấy bên trong có 30.000 đồng, A đã lấy số tiền trên nhét vào túi quần sau bên phải đang mặc, rồi tiếp tục đi theo lối cầu thang lên tầng hai. A thấy anh Nguyễn Văn T (là con anh D) đang ngủ trong phòng. A đi vào tìm kiếm tài sản để trộm cắp thì bị anh T phát hiện và bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn A đã khai nhận từ ngày 03/3/2022 đến ngày 09/3/2022 bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 03/03/2022, Phạm Văn A đi bộ từ nhà đến thôn T, xã T, huyện T, TP.H xem có ai sơ hở để trộm cắp tài sản, A phát hiện nhà anh Nguyễn Quang H không khóa cửa nên đã trèo qua tường rào vào sân rồi đi vào phòng ngủ tầng một thấy phía dưới nền nhà ngay gần đầu giường có để một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO. A cầm chiếc điện thoại nhét vào túi quần sau đang mặc tiếp tục theo lối cầu thang lên phòng ngủ tầng hai, thấy trên mặt bàn trong phòng để một chiếc máy tính xách tay (Laptop) màu đen nhãn hiệu Dell A lấy chiếc máy tính xách tay, rồi trèo tường ra bên ngoài. Sau khi trộm cắp được, A mang chiếc máy tính trên đến cửa hàng số Y, Quận H, TP.H của anh Nguyễn Quang H bán được 3.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động mang đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Hữu Q ở xã N, huyện T, TP.H bán được 600.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán được A đã sử dụng để tiêu sài cá nhân.

Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/03/2022, Phạm Văn A đi từ nhà đến Thôn T, xã T, huyện T mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến trước cửa nhà ông Tạ Văn T, A phát hiện thấy cửa nhà ông T không khóa nên đã trèo qua tường rào vào trong sân, rồi đi vào phòng ngủ ở tầng một, nhìn thấy trên mặt kê tủ kê gần giường có một

chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu ghi xám, A lấy chiếc điện thoại nhét vào túi quần trước bên phải đang mặc, rồi tiếp tục đi sang phòng ngủ bên cạnh, đồng thời phát hiện trên giường còn để một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP8460 màu bạc, A đến lấy và đi ra ngoài. Sau khi lấy được tài sản, A cất giấu điện thoại và máy tính ở Đền Thôn T.

Vụ thứ ba: Ngày 06/3/2022 sau khi trộm cắp nhà anh T, A tiếp tục đi vào Thôn T thì phát hiện cửa nhà bà Bùi Thị V không khóa, A trèo qua tường rào vào trong sân phát hiện có chiếc áo đang treo trên ghế ở trước hiên nhà nên lục soát chiếc áo, lấy toàn bộ số tiền bên trong nhét vào túi quần đang mặc (không nhớ là túi quần bên nào). Sau đó A tiếp tục đi vào trong nhà thì thấy trên mặt tủ tivi có một điện thoại nhãn hiệu Vivo Y91C màu đen, A cầm chiếc điện thoại cất vào túi quần đang mặc (không nhớ rõ để túi quần bên nào). Tiếp tục nhìn thấy trên mặt phản gỗ để một chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus và 01 túi da, A đã cầm lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus cất vào túi quần đang mặc và lục soát chiếc túi da thấy có tiền, A lấy toàn bộ số tiền cất vào túi quần đang mặc (A đều không nhớ rõ để túi quần bên nào). Sau khi lấy được điện thoại và tiền trong nhà bà V, A trèo tường ra ngoài đi đến khu vực Đền Thôn T bỏ số tiền đã trộm cắp nhà bà V đếm được 820.000 đồng.

Sau khi trộm cắp, A đã bán chiếc laptop nhãn hiệu HP 8640 màu bạc với giá 600.000 đồng và chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus với giá 400.000 đồng cho một cửa hàng ở đường L, quận H, TP.H, (Hiện nay A không nhớ chính xác địa chỉ cửa hàng đã bán điện thoại). Chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu ghi xám và chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y91C do thấy cũ A đã vứt trên đường G, TP.H. Số tiền trộm cắp được và số tiền bán chiếc điện thoại A đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Thu giữ tang vật gồm: 30.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt nam đang lưu hành (do A giao nộp).

Khám xét khẩn cấp tại cửa hàng máy tính của anh Nguyễn Quang H thu giữ: 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu DELL 5450 có số seri 5M9KF72.

Khám xét khẩn cấp tại cửa hàng Nguyễn Hữu Q thu giữ:

- 01 điện thoại Samsung Galaxy A30 màu xám, số seri R5811341PFMN
- 01 điện thoại Samsung Galaxy M12 màu đen, số IMEI 353930/95/05891717
- 01 điện thoại Realme C11 màu xanh, số seri 0151409S34106FDD
- 01 Iphone 5s màu trắng, số seri DX3S866RFRC5
- 01 điện thoại MI 6pro màu vàng đồng, số IMEI 868139032521533
- 01 Iphone 6s màu hồng, số IMEI 355419071468287.

Tại kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐGD ngày 14/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 chiếc Laptop nhãn hiệu Dell 5450 màu đen có số seri 5 M9KF72, core i5, mua cũ, sử dụng năm 2021 trị giá 4.850.000 đồng.

- 01 điện thoại Vivo Y15, màu xanh đen, sử dụng từ tháng 10/2021 trị giá 1.050.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trưng cầu định giá: 5.900.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐGD ngày 16/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 chiếc Laptop HP8460 màu bạc, core i5 mua mới năm 2019 trị giá 3.700.000 đồng.

- 01 điện thoại Vivo Y91C, màu đen, mua mới năm 2020 trị giá 700.000 đồng.

- 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng, mua cũ năm 2019 trị giá 1.500.000 đồng.

- 01 điện thoại Samsung Galasy J7 màu ghi xám, mua mới năm 2020 trị giá 1.100.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trưng cầu định giá: 7.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình Phạm Văn A đã bồi thường cho bà V, bà V đã nhận bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

Anh Nguyễn Quang H không yêu cầu A bồi thường số tiền đã trả cho A để mua chiếc máy tính xách tay.

Ông Tạ Văn T yêu cầu Phạm Văn A bồi thường số tiền 4.800.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 24/CT - VKS ngày 24/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Phạm Văn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt Phạm Văn A từ 12 - 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/3/2022).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Quang H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường; bà Bùi Thị V đã nhận bồi thường; anh Nguyễn Quang H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã trả cho A để mua máy tính nên không xem xét; Buộc bị cáo phải trả ông Tạ Văn T số tiền 4.800.000 đồng. Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 3.600.000 đồng là tiền bị cáo bán chiếc máy tính và chiếc điện thoại đã trộm cắp tại nhà anh Nguyễn Quang H.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy sai lầm, mong muốn được sửa chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tình tiết như cáo trạng truy tố, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội cùng vật chứng thu giữ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/3/2022 đến ngày 09/3/2022, Phạm Văn A đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong đó chiếm đoạt của gia đình anh Nguyễn Quang H 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell 5450

màu đen trị giá 4.800.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15 màu xanh, trị giá 1.050.000 đồng; ông Tạ Văn T 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP 8460 màu bạc, trị giá 3.700.000 đồng và 01 điện thoại di động Vivo Y91C màu đen, trị giá 700.000 đồng, bà Bùi Thị V số tiền 820.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu trắng, trị giá 1.500.000 đồng; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu ghi xám trị giá 1.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh H, ông T, bà V có trị giá 13.720.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung. Xét bị cáo phạm tội nhiều lần, có nhân thân xấu, do vậy có hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường cho người bị hại, tài sản đã được thu hồi một phần trả lại người bị hại; Người bị hại là ông T, bà V có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo nhận thức được pháp luật đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Quang H; anh Nguyễn Văn T đã nhận được tài sản; bà Bùi Thị V đã nhận bồi thường từ gia đình bị cáo ; anh Nguyễn Quang H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền đã trả cho A để mua máy tính, các

đương sự không có yêu khác về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét; Đối với ông Tạ Văn T yêu cầu bị cáo phải trả ông số tiền 4.800.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho ông T, xét yêu cầu bồi thường là chính đáng, có căn cứ nên buộc bị cáo phải trả ông Tạ Văn T số tiền trên là đúng pháp luật.

Đối với số tiền 3.600.000 đồng Phạm Văn A có được do bán máy tính xách tay và điện thoại, bị cáo đã sử dụng hết cho cá nhân, mặc dù anh H không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên, xét đây là tiền hưởng lợi bất chính nên cần truy thu số tiền 3.600.000 đồng của Phạm Văn A để nộp ngân sách nhà nước là phù hợp pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Hữu Q mua 01 điện thoại Vivo Y15 màu xanh đen và Trần Đức N mua 01 Laptop nhãn hiệu DELL 5454 không biết là tài sản do A phạm tội mà có, nên không xem xét là có căn cứ; Đối với 01 điện thoại VIVO Y15 màu xanh đen anh Q mua của an, sau đó bán lại cho người phụ nữ không biết tên, địa chỉ và chiếc Laptop hiệu HP 8460; 01 điện thoại Iphone 6 Plus A khai bán tại cửa hàng trên phố L, TP.H. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng chưa có kết quả. Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 và chiếc điện thoại hiệu Vivo Y19C A khai sau khi trộm cắp biết không còn giá trị sử dụng nên đã vứt trên đường G, TP. H. Cơ quan điều tra đã thông báo tìm kiếm nhưng chưa có kết quả, sẽ xử lý sau; 01 điện thoại Samsung Galaxy A30 màu xám; 01 điện thoại Samsung Galaxy M12 màu đen; 01 điện thoại Realme C11 màu xanh; 01 Iphone 5S màu trắng; 01 điện thoại MI 6 Pro màu vàng đồng; 01 Iphone 6s màu hồng, xác định tài sản thuộc sở hữu của anh Q, không liên quan đến việc phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại anh Q là có căn cứ pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; 48 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; 586; 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”
2. Về hình phạt: xử phạt Phạm Văn A 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/3/2022).
3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn A phải trả ông Tạ Văn T số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án phải có đơn yêu cầu thi hành án để thi hành. Bị cáo Phạm Văn A chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Truy thu của Phạm Văn A số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm ngàn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- Sở tư pháp H;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo; Bị hại,
- Những người tham gia tố tụng khác
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Lan H